

Số :0509/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **9/5/2016**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	770	1.19%
2	BVH	300	1.74%
3	CII	750	2.00%
4	CTG	2,500	4.05%
5	DPM	700	1.91%
6	FLC	2,130	1.06%
7	FPT	1,540	6.45%
8	GAS	430	2.57%
9	GMD	680	1.79%
10	HAG	1,940	1.10%
11	HCM	230	0.63%
12	HNG	850	0.56%
13	HPG	2,080	8.30%
14	HSG	480	1.99%
15	ITA	2,070	0.95%
16	KBC	1,580	2.65%
17	KDC	550	2.00%
18	MBB	3,240	4.51%
19	MSN	1,360	8.57%
20	MWG	300	4.04%
21	NT2	380	1.25%
22	PPC	350	0.49%
23	PVD	780	1.89%
24	REE	830	1.57%
25	SBT	390	1.29%
26	SSI	1,510	3.04%
27	STB	5,030	4.83%
28	VCB	1,190	5.88%
29	VIC	1,910	8.63%



30	VNM	860	12.46%
----	-----	-----	--------

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,055,815,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,062,828,009

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 7,013,009

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	67,650	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
HCM	31,900	HSC	Cổ phiếu quỹ/Treasury shares

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 9/5/2016	Kỳ trước/Last period 9/1/2016	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	39,400,000	39,400,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	10,600	10,600	0
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	418,754,235,421	422,678,158,829	-3,923,923,408
của một lô ETF/per Creation Unit	1,062,828,009	1,072,787,205	-9,959,196
của một chứng chỉ quỹ/per Share	10,628.28	10,727.87	-99.59
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	679.61	683.77	-4.16

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO